

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

I. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu

1. Giới thiệu chung về dự án

a) Dự án:

- Tên dự án: Đầu tư phục vụ sản xuất năm 2025 - Công ty than Dương Huy.
- Chủ đầu tư: Chi nhánh tập đoàn Công nghiệp than Khoáng sản Việt Nam - Công ty than Dương Huy - TKV
- Nguồn vốn: Vốn vay thương mại và nguồn vốn huy động hợp pháp khác của Công ty than Dương Huy – TKV
- Căn cứ Quyết định số 518/QĐ-TKV ngày 20/3/2025 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt chuyển bước kế hoạch đầu tư năm 2025 Công ty Than Dương Huy - TKV;

Căn cứ Công văn số 3293/TKV-ĐT ngày 06/6/2025 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc đầu tư bổ sung thiết bị máy kiểm định giàn chống thủy lực sử dụng trong khai thác than hầm lò;

Căn cứ Quyết định số 7699/QĐ-VDHC ngày 09/7/2025 của Giám Đốc Công ty Than Dương Huy - TKV về việc phê duyệt điều chỉnh dự án: Đầu tư phục vụ sản xuất năm 2025-Công ty than Dương Huy;

Căn cứ Quyết định số 11219/QĐ-VDHC ngày 03/10/2025 của Giám đốc Công ty than Dương Huy - TKV về việc phê duyệt điều chỉnh một số nội dung thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Đầu tư phục vụ sản xuất năm 2025-Công ty than Dương Huy;

b) Nhóm dự án, loại: Dự án nhóm C, Công trình công nghiệp.

2. Giới thiệu chung về gói thầu

- Tên gói thầu: Gói thầu số 04a: Cung cấp xe ô tô tải gắn cầu.
- Địa điểm cung cấp: Tại khai trường Công ty Than Dương Huy - TKV phường Mông Dương - Tỉnh Quảng Ninh
- Thời gian thực hiện gói thầu: Trong vòng 120 ngày (kể cả ngày nghỉ, ngày lễ, tết) được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến nghiệm thu bàn giao thiết bị.
- Phạm vi cung cấp gói thầu:

Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ, trọn bộ các thiết bị, vật tư với số lượng theo phạm vi cung cấp sau:

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị	Số lượng
1	Xe ô tô tải gắn cầu	cái	01

II. Yêu cầu về kỹ thuật:

a. Các yêu cầu kỹ thuật chung:

Các hàng hóa do nhà thầu chào thầu phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật, bao gồm: tính năng, thông số kỹ thuật, bản vẽ, catalogue, thông tin bảo hành của hàng hóa. Khi mô tả yêu cầu, các thông số kỹ thuật có thể được trình bày dưới dạng bảng biểu để thuận tiện cho việc đánh giá.

Yêu cầu phải có Catalogue gốc hoặc các bản vẽ kỹ thuật, tài liệu kỹ thuật bằng tiếng Việt (nếu bằng ngôn ngữ khác thì bản dịch tiếng Việt phải có chứng thực của văn phòng dịch thuật hoặc phòng công chứng) - Tất cả các tài liệu kèm theo phải có tên của nhà sản xuất – để làm cơ sở cho chủ đầu tư đánh giá kỹ thuật E-HSDT.

Các thiết bị do nhà thầu cung cấp cần đảm bảo các yêu cầu sau:

+ Thiết bị tham gia dự đấu thầu phải trọn bộ, đầy đủ về số lượng và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật tối thiểu theo quy định tại điểm b, Thông số kỹ thuật của hàng hóa E-HSMT.

+ E-HSDT đảm bảo tính thống nhất về thông số kỹ thuật của thiết giữa bản cam kết trong E-HSDT và Catalogue hoặc bản vẽ kèm theo.

+ Hàng hóa cung cấp phải có ký hiệu, nhãn mác, xuất xứ rõ ràng, mới 100%, chưa qua sử dụng và được sản xuất năm 2025 trở về sau;

+ Tất cả các thiết bị vật tư đều được gia công chế tạo hoàn chỉnh theo đúng tiêu chuẩn nhà sản xuất, nước sản xuất;

+ Thiết bị làm việc có độ tin cậy cao, vận hành an toàn, hiệu suất cao, độ bền lớn và tuổi thọ cao;

Ngoài ra, nhà thầu có trách nhiệm:

- Nhà thầu có trách nhiệm về dịch vụ liên quan như tổ chức lắp đặt thiết bị, vận hành chạy thử...

- Khi giao hàng Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các tài liệu phục vụ trong quá trình làm thủ tục đăng kiểm theo quy định.

- Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp đầy đủ tài liệu kỹ thuật của thiết bị: Sách hướng dẫn sử dụng, bảo dưỡng, vận hành, dầu mỡ bôi trơn. Sách tra cứu toàn bộ phụ tùng trong thiết bị, bản vẽ tổng thể, bản vẽ các cơ cấu, bản vẽ lắp ráp các bộ phận liên quan, sơ đồ thủy lực, sơ đồ nguyên lý điều khiển, các bản vẽ bố trí lắp đặt theo quy định của nhà sản xuất khi giao hàng (có 03 bản dịch sang tiếng Việt Nam hợp

pháp đối với tài liệu gốc và File định dạng MS Word, Excel, Cad).

- Có bảng kê vật tư cần thiết để thay thế cho 500 giờ, 1000 giờ, 2000 giờ vận hành hoặc 12 tháng hoạt động.

- Dụng cụ đồ nghề theo máy đầy đủ theo quy định của Nhà sản xuất.

b. Thông số kỹ thuật của hàng hóa phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn sau đây:

Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ các hàng hóa với số lượng và thông số kỹ thuật theo bảng thông số kỹ thuật chi tiết sau:

STT	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
B	Xe ô tô tải gắn cầu	01	Cái
1	Xuất xứ		Nêu rõ mã hiệu, (tên nhà máy hoặc Công ty, hoặc hãng), nước sản xuất
2	Loại xe		Xe ô tô tải (Có cần cầu)
3	Tiêu chuẩn khí thải:		EURO 5 hoặc tương đương
I	Phần Ô tô		
1	Trọng lượng toàn bộ của xe		29.000 -:- 31.000 (kg);
2	Tải trọng sau khi lắp cầu		Không nhỏ hơn 10.000 (kg);
3	Kích thước thùng hàng sau khi lắp cầu		8.050 x 2.350 x 600 (mm) ($\pm 2\%$);
4	Kích thước tổng thể sau khi lắp cầu:		12.200 x 2.500 x 3.900 (mm) ($\pm 2\%$);
5	Số chỗ ngồi		02
6	Công thức bánh xe		8x4
7	Nhiên liệu sử dụng		Diesel
8	Động cơ		4 kỳ 6 xi lanh, có Turbo tăng áp
9	Hộp số		10 số tiến, 2 số lùi
10	Thể tích xi lanh (thể tích làm việc)		9.960 (cm ³);
11	Công suất lớn nhất/Tốc độ quay		275÷290/1.800÷2.000 (kW/vòng/phút)

STT	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
13	Hệ thống cung cấp nhiên liệu		Phun nhiên liệu điện tử
14	Lốp xe:		
	Số lượng lốp trên trục (I/II/III/IV)		02/02/04/04
	Loại lốp:		12R22.5-PR16 hoặc tương đương
	Lốp dự phòng		01 chiếc
15	Phanh trước/Sau/dẫn động		Hệ thống phanh hơi Looke;
16	Phanh tay/dẫn động		Hệ thống phanh hơi Looke;
17	Kiểu hệ thống lái/dẫn động		Trục vít ê cu bi/Cơ khí có trợ lực thủy lực;
18	Tốc độ cực đại		Không nhỏ hơn 90 (km/h)
19	Khả năng vượt dốc		Không nhỏ hơn 35 (%) ;
20	Cabin		Treo lò xo toàn phần, kiểu lật với cơ cấu nâng hạ điều khiển;
21	Thùng nhiên liệu		Không nhỏ hơn 370 lít;
22	Hệ thống treo cầu trước		Nhíp đa lá với giảm chấn thủy lực
23	Hệ thống treo cầu sau		Nhíp đa lá với giảm chấn thủy lực
24	Bộ trích công suất (PTO)		Chính hãng;
25	Chiều rộng cabin		2.495±3% (mm);
26	Chiều dài cơ sở:		1.700+4.850+1.300 (mm) (±1%);
27	Kích thước bao ngoài xe cơ sở		12.390 x 2.495 x 3.140 (mm)
II	Phần cầu		
1	Momen nâng:		Không nhỏ hơn 38 (tấn/m)

STT	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
2	Sức nâng Max tại tầm với Min		Không nhỏ hơn 12.000/3 (kg/m)
3	Sức nâng Min tại tầm với Max		Không nhỏ hơn 1.180/20,98 (kg/m)
4	Tự trọng của cần cẩu		6.000 ÷ 6.500 (kg)
5	Bán kính làm việc Min-Max		5,9 ÷ 20,98 (m)
6	Chiều cao nâng tối đa		Không nhỏ hơn 23 (m)
7	Chiều cao làm việc tối đa		Không nhỏ hơn 24 (m)
8	Góc nâng cần		Từ 0 đến 80 độ
9	Góc quay		360 độ
10	Tốc độ quay cần trục		Không nhỏ hơn 2,0 (vòng/phút)
11	Loại cần/số đoạn cần (đốt)		Lục giác/5 đốt
12	Kết cấu xi lanh nâng chính		2 xi lanh
13	Cơ cấu tời		Bảng motor thủy lực; Hộp giảm tốc bánh răng với phanh thủy lực
14	Cơ cấu quay toa		Bảng motor thủy lực; Hộp giảm tốc hành tinh và trục vít với phanh thủy lực
15	Bơm thủy lực		Loại bánh răng 2 tầng; lưu lượng 81x81 lít/phút
16	Dung tích thùng dầu		Không nhỏ hơn 240 (lít)
17	Kết làm mát dầu thủy lực		Đồng bộ theo cầu
18	Đường kính/độ dài dây cáp		Φ14 x 100m
19	Chân chống trước Max-Min		Loại chữ U, điều khiển ra vào bằng thủy lực, độ rộng 2.479-:-6.189 ±5% (mm);
20	Chân chống sau Max-Min		Loại chữ H, điều khiển ra vào bằng thủy lực, độ rộng 2.469÷5.269±5% (mm)

STT	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
21	Quạt làm mát		Sử dụng quạt hướng trục làm mát, đường kính quạt 350mm, lưu lượng gió 1.700m ³ /h, điện áp 24V; (±5%);
22	Trang bị theo cầu, lắp đồng bộ theo cầu: Van an toàn cho hệ thống thủy lực; Van cân bằng cho xi lanh ra vào cần; Van chống tụt cho xi lanh nâng chân; Phanh quay toa tự động; Phanh cơ khí cho tời quay cáp; Bảng đo góc cần; Quạt làm mát dầu;		Có
III	Các yêu cầu kỹ thuật khác		
	Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp đầy đủ tài liệu kỹ thuật của thiết bị: Sách hướng dẫn sử dụng, bảo dưỡng, vận hành, dầu mỡ bôi trơn. Sách tra cứu toàn bộ phụ tùng trong thiết bị, bản vẽ tổng thể, bản vẽ các cơ cấu, bản vẽ lắp ráp các bộ phận liên quan, sơ đồ thủy lực, sơ đồ nguyên lý điều khiển, các bản vẽ bố trí lắp đặt theo quy định của nhà sản xuất khi giao hàng: 03 bộ (bằng tiếng Việt, nếu là tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt, có bản dịch thuật của văn phòng dịch thuật và File định dạng MS Word, Excel, Cad).		Có
	Có bảng kê vật tư cần thiết để thay thế cho 500 giờ, 1000 giờ, 2000 giờ vận hành hoặc 12 tháng hoạt động.		Có

STT	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
	Dụng cụ đồ nghề theo máy đầy đủ theo quy định của Nhà sản xuất. - Nhà thầu có trách nhiệm làm thủ tục đăng ký, đăng kiểm theo quy định		Có

c. Các yêu cầu khác

* Các yêu cầu, tạm ứng thanh toán:

- Tạm ứng: Bên A sẽ tạm ứng cho bên B số tiền tối đa 10% giá trị Hợp đồng (nếu nhà thầu đề xuất)

- Phương thức thanh toán: Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu bằng hình thức chuyển khoản và thanh toán trong 03 đợt, cụ thể từng đợt như sau:

+ Thanh toán đợt 1: Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 70% giá trị hợp đồng (bao gồm cả 10% giá trị đã tạm ứng - nếu có) trong vòng 90 ngày sau khi hai bên hoàn thành việc nghiệm thu bàn giao thiết bị và Nhà thầu xuất trình đầy đủ bộ chứng từ thanh toán liên quan đến hàng hoá.

+ Thanh toán đợt 2: Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 25% giá trị hợp đồng trong vòng 90 ngày sau khi hai bên hoàn thành việc nghiệm thu thiết bị đưa vào sử dụng và Nhà thầu xuất trình đầy đủ bộ chứng từ thanh toán liên quan đến hàng hoá.

+ Thanh toán đợt 3: Bên A thanh toán 5% giá trị còn lại cho nhà thầu trong vòng 30 ngày sau khi hai bên ký biên bản xác nhận hết thời gian bảo hành thiết bị và thanh lý hợp đồng được hai bên ký kết.

- Giá gói thầu được chủ đầu tư phê duyệt đã có thuế GTGT 10%. Đề nghị nhà thầu chào tách rõ giá trị trước thuế, thuế GTGT, giá trị sau thuế cho hàng hoá dịch vụ (với thuế GTGT theo đúng quy định tại thời điểm).

Mục 2. Bản vẽ

Không có bản vẽ kèm theo.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Nhà thầu Có trách nhiệm mời cơ quan có chức năng, tổ chức kiểm định... theo yêu cầu (nếu có). Mọi chi phí liên quan đến kiểm định do Nhà thầu chi trả.